

Số: 2332/GCN-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương chứng nhận:

1. Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn khu vực II.

Địa chỉ: Lầu 6, Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38275301; Fax: 028.38275300; E-mail: info@kiemdinh.vn

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với ngành Công Thương trong lĩnh vực chứng nhận các sản phẩm thiết bị đặc thù công nghiệp (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: 01.19.CN.

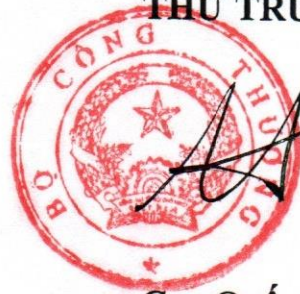
3. Giấy chứng nhận này được cấp lần hai, thay thế Giấy chứng nhận số 483/GCN-BCT ngày 06 tháng 3 năm 2019 và có hiệu lực đến ngày 05 tháng 3 năm 2024 kể từ ngày ký.

4. Bộ Công Thương sẽ tiến hành kiểm tra định kỳ hoạt động chứng nhận theo các quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP./.

Nơi nhận:

- Như Mục 1;
- Trang MOIT (để đăng thông báo);
- Lưu: VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Quốc Hưng

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH KTAT KV 2	
CÔNG	Số: 04
VĂN	Ngày: 04/9/2020
ĐẾN	Chuyên: Cơ sở Trung Quốc; BKH; Đăng Website
	Lưu: HS này lưu VT

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM THIẾT BỊ ĐẶC THÙ CÔNG NGHIỆP
TRONG LĨNH VỰC CHỨNG NHẬN

(Kèm theo Giấy chứng nhận số 2332 /GCN-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2020
 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Tên sản phẩm hàng hóa chứng nhận	Tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật	Phương thức chứng nhận	Quy trình chứng nhận
1	Chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép	QCVN 04:2013/BCT	7	HD28
2	Trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng	QCVN 10:2012/BCT	8	HD32
3	Bình chịu áp lực có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải, áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) dùng trong công nghiệp	TCVN 8366:2010 TCVN 6155:1996 TCVN 6156:1996 TCVN 6008:2010	8	HD24.1
4	Bồn chứa LPG có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải	TCVN 8366:2010 TCVN 6155:1996 TCVN 6156:1996 TCVN 7441:2004 TCVN 6486:2008	8	HD24.1
5	Nồi hơi có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải, áp suất làm việc 0,7 bar dùng trong công nghiệp	TCVN 7704:2007 TCVN 6413:1998 TCVN 6008:2010 TCVN 5346:1991	8	HD24.1
6	Nồi hơi nhà máy điện	TCVN 5346:1991 TCVN 7704:2007 TCVN 6008:2010	8	HD24.1
7	Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C dùng trong công nghiệp	TCVN 6008:2010 TCVN 5346:1991	8	HD24.1

